

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M'ĐRĂK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/DS-ST
Ngày 29 - 3 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRĂK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thế Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Tám; ông Nguyễn Văn Giang.

- Thư ký phiên tòa: ông Vũ Văn Hoàng, thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: ông Y Gon Niê - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2021 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 94/2020/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị H sinh năm 1970. Địa chỉ: thôn 5, xã C, huyện M, tỉnh Đ. Bà H vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: ông Phạm Hải D sinh năm 1974. Địa chỉ: khối 2B, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đ. Ông D có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* vợ chồng ông Nguyễn Mạnh T sinh năm 1965 bà Ngô Thị H1 sinh năm 1970. Địa chỉ: thôn 5, xã C, huyện M, tỉnh Đ. Ông T bà H1 vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H và người đại diện theo ủy quyền của bà H là ông Phạm Hải D trình bày:

Do quen biết và ở cùng thôn, ngày 30 tháng 7 năm 2020 bà Nguyễn Thị H cho vợ chồng bà Ngô Thị H1 ông Nguyễn Mạnh T vay 215.000.000đồng. Ông T

bà H1 cam kết kể từ ngày viết giấy vay nợ, tháng thứ nhất trả 27 triệu đồng, sau đó sang tháng thứ 2 trả hết số tiền còn lại.

Quá thời hạn vay, bà H đã yêu cầu trả nợ nhiều lần, nhưng ông T bà H1 chỉ hứa hẹn mà không trả tiền cho bà H, sau đó lại bỏ đi khỏi nơi cư trú. Bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông T bà H1 phải trả cho cho bà H 215.000.000đồng.

* Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Mạnh T bà Ngô Thị H1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 5, xã C, nhưng quá trình giải quyết vụ án, ông T và bà H1 vắng mặt tại địa phương. Tòa án đã T hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng nhưng ông T bà H1 không có ý kiến phản hồi.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về tố tụng:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng; bị đơn vắng mặt tại nơi cư trú nhưng không thông báo cho nguyên đơn và cơ quan có thẩm quyền biết về địa chỉ cư trú mới.

- Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: buộc bị đơn vợ chồng ông T bà H1 phải trả cho bà H 215.000.000đồng theo giấy nhận nợ ngày 30/7/2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng và quan hệ pháp luật cần giải quyết:

[1.1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án buộc bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Mạnh T bà Ngô Thị H1 phải trả cho bà H tiền vay theo giấy nhận nợ ngày 30/7/2020. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện M, tỉnh Đ. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk.

Nguyên đơn bà H ủy quyền cho ông Phạm Hải D tham gia tố tụng theo văn bản được công chứng ngày 11/9/2020 là phù hợp với quy định tại Điều 85 của BLTTDS.

[1.2] Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn ghi đầy đủ và đúng địa chỉ của bị đơn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh tại địa phương thể hiện ông T bà H1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 5, xã C, nhưng ông T và bà H1 đã đi khỏi địa phương mà không khai báo tạm vắng. Tòa án đã tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng theo địa chỉ của bị đơn nhiều lần nhưng ông T bà H1 vắng mặt tại địa phương mà không thông báo về nơi cư trú, nơi làm việc mới, theo quy định tại khoản 3 Điều 40 và điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự, thì được coi là trường hợp cố tình giấu địa chỉ.

Vụ án được đưa ra xét xử lần thứ nhất vào ngày 11/3/2021 nhưng bị đơn vắng mặt. Phiên tòa thứ hai bị đơn vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS và căn cứ hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. HĐXX vẫn T hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung:

Nguyên đơn cung cấp cho Tòa án văn bản xác nhận nợ có chữ ký của bị đơn ông T và bà H1 với nội dung “Ngày 30/7/2020 tôi tên Ngô Thị H1 có nợ bà Nguyễn Thị H thôn 5 C số tiền là Hai trăm 15 triệu 215 triệu mỗi tháng là 27 triệu” được kí hiệu là A2. Quá trình tố tụng, bị đơn không đến Tòa án làm việc và cũng không trình bày ý kiến phản hồi về nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã thu thập các tài liệu, chứng cứ có mẫu chữ ký của ông T và bà H1 đang được lưu giữ tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện M’Đrăk (nơi vợ chồng ông T bà H1 ký hợp đồng vay tiền của Chi nhánh huyện M’Đrăk, các tài liệu bao gồm: Biên bản xác định giá trị tài sản bảo đảm số 418/2019/BĐTV đề ngày 24/6/2019 có chữ ký của ông T bà H1 được kí hiệu là M1; Giấy xác nhận quyền sử dụng đất đề ngày 24/6/2019 có chữ ký của ông T bà H1 được kí hiệu là M2; Giấy ủy quyền đề ngày 26/6/2019 có chữ ký của ông T bà H1 được kí hiệu là M3) để trưng cầu giám định. Theo kết luận giám định số 07/KLGD-PC09 ngày 14/01/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận:

“1. Chữ ký mang tên Nguyễn Mạnh T trong các tài liệu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ ký mang tên Nguyễn Mạnh T trong các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M1, M2, M3 là do cùng một người ký ra”.

2. Chữ ký mang tên Ngô Thị H1 trong các tài liệu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ ký mang tên Ngô Thị H1 trong các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M1, M2, M3 là do cùng một người ký ra.”

Như vậy, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, có đủ cơ sở pháp lý để kết luận: Ngày 30/7/2020, ông T và H1 xác nhận nợ

bà H 215.000.000đồng, theo nội dung văn bản xác lập mỗi tháng trả 27.000.000đồng, tuy nhiên ông T bà H1 đi khỏi địa phương nơi cư trú, không trả nợ cho bà H là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự “1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”

Vì vậy, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H: Buộc vợ chồng ông Nguyễn Mạnh T bà Ngô Thị H1 phải trả cho bà Nguyễn Thị H 215.000.000đồng tiền vay theo giấy nhận nợ xác lập ngày 30/7/2020.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H được HĐXX chấp nhận nên bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Mạnh T bà Ngô Thị H1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 10.750.000đồng (= 215.000.000đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 85, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277, khoản 1 Điều 466 của Bộ Luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H: Buộc vợ chồng ông Nguyễn Mạnh T bà Ngô Thị H1 phải trả cho bà Nguyễn Thị H 215.000.000đồng (Hai trăm mười lăm triệu đồng) tiền vay theo giấy nhận nợ xác lập ngày 30/7/2020.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Vợ chồng ông Nguyễn Mạnh T bà Ngô Thị H1 phải chịu 10.750.000đồng (Mười triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị H 5.375.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số AA/2019/0014452 ngày 06/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M’Đrăk.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng

cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrăk;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện M'Đrăk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thế Dương